

LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM NĂM 2008 - BƯỚC TIẾN MỚI TRONG VIỆC BẢO VỆ CÁC QUYỀN CON NGƯỜI VÀ QUYỀN CÔNG DÂN Ở VIỆT NAM

PGS.TS. THÁI VĨNH THẮNG *

Quyền có quốc tịch là một trong những quyền cơ bản của con người và là tiền đề của những quyền cơ bản của công dân. Điều 15 Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua và công bố theo Nghị quyết số 217A(III) ngày 10/12/1948 đã quy định: “Mọi người đều có quyền có quốc tịch của một nước nào đó” (Khoản 1 Điều 15) và “Không ai bị tước quốc tịch hoặc bị khước từ quyền được đổi quốc tịch một cách tùy tiện” (Khoản 2 Điều 15).⁽¹⁾ Ở nước ta để điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến quốc tịch, Nhà nước ta đã ban hành Luật quốc tịch năm 1988, Luật quốc tịch năm 1998 và gần đây ngày 13/11/2008 Quốc hội Khoá XII, Kỳ họp thứ IV đã thông qua luật quốc tịch mới Luật quốc tịch năm 2008, Luật này được Chủ tịch nước kí lệnh công bố ngày 28/11/2008 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2009. Bài viết sau đây sẽ đề cập nguyên nhân phải sửa đổi Luật quốc tịch năm 1998 và những nội dung cơ bản, những điểm mới của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008.

1. Sự cần thiết sửa đổi Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998

Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 là

bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật về quốc tịch. Ngoài việc sửa đổi, bổ sung những quy định đã trở nên bất cập của Luật quốc tịch năm 1988, Luật quốc tịch Việt Nam 1998 còn bổ sung thêm nhiều quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc quản lí, giải quyết các vấn đề về quốc tịch và điều chỉnh các quan hệ pháp luật về quốc tịch phát sinh trong thực tiễn của quá trình đổi mới, xây dựng đất nước. Sau gần 10 năm thực hiện, Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 đã phát huy được vai trò của mình, là chế định pháp lí quan trọng công nhận tư cách công dân Việt Nam, tạo điều kiện cho mỗi công dân Việt Nam dù sống ở bất cứ nơi nào trên lãnh thổ quốc gia đều được hưởng đầy đủ các quyền và thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Tổ quốc, góp phần tích cực làm ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 về cơ bản đã đóng vai trò tích cực trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, là nguồn cổ vũ, động viên cho kiều bào Việt Nam sinh

* Giảng viên chính Khoa hành chính - nhà nước
Trưởng Đại học Luật Hà Nội

sống, làm việc ở nước ngoài hướng về Tổ quốc, đóng góp trí tuệ và sức lực xây dựng Tổ quốc. Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều công dân Việt Nam đang định cư, làm ăn, sinh sống ở nước ngoài do các hoàn cảnh, điều kiện khác nhau được thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, ổn định cuộc sống và có điều kiện thuận lợi hoà nhập với cộng đồng xã hội ở nước ngoài. Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 đã tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và người không quốc tịch có nguyện vọng chính đáng được nhập quốc tịch Việt Nam hoặc được trở lại quốc tịch Việt Nam, đảm bảo các điều kiện thuận lợi để họ có thể hoà nhập cộng đồng dân cư Việt Nam. Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 cũng đã tạo ra cơ chế quản lí, phối hợp giữa Bộ tư pháp và các bộ, ngành ở trung ương và địa phương trong việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về quốc tịch, là cơ sở pháp lí quan trọng để tháo gỡ những vướng mắc phát sinh trong quá trình điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến quốc tịch, đồng thời cũng tạo ra cơ sở pháp lí để các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, uỷ ban nhân dân, sở tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thụ lí, xem xét, giải quyết hoặc trình giải quyết số lượng lớn hồ sơ về quốc tịch.

Bên cạnh thành quả đạt được, Luật quốc tịch năm 1998 vẫn còn một số hạn chế, bất cập và những vướng mắc cần phải sửa đổi,

bổ sung nhằm tăng cường hơn nữa tác dụng tích cực của Luật quốc tịch trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia, các quyền công dân và quyền con người trong sự tương thích giữa pháp luật quốc gia với xu hướng hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá.⁽²⁾

1.1. Nguyên tắc một quốc tịch triệt để thể hiện trong Điều 3 Luật quốc tịch năm 1998: “*Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam*”. Trên thực tế điều này khó có thể được đảm bảo thực hiện một cách triệt để và nhất quán. Do Luật quốc tịch năm 1998 không quy định nguyên tắc đương nhiên mất quốc tịch Việt Nam khi nhập quốc tịch nước ngoài nên rất nhiều công dân Việt Nam đã nhập quốc tịch các nước thừa nhận đa quốc tịch như Pháp, Mỹ, Canada, Anh, Úc vẫn giữ quốc tịch Việt Nam vì những nước này không bắt buộc phải thôi quốc tịch gốc. Đối với vấn đề quốc tịch trẻ em cũng khá phổ biến những trường hợp đa quốc tịch. Sự khác nhau trong việc áp dụng hai nguyên tắc xác định quốc tịch là nguyên tắc huyết thống (Jus Sanguinis) và nguyên tắc lãnh thổ (Jus Soli) dẫn đến nhiều trường hợp trẻ em có hai quốc tịch. Theo Điều 16 của Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 thì trẻ em khi sinh ra có cha, mẹ đều là công dân Việt Nam thì có quốc tịch Việt Nam không kể đứa trẻ sinh ra trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam. Trong khi đó Luật quốc tịch hiện hành của Hoa Kỳ lại quy định bất kì trẻ em nào sinh ra trên lãnh thổ Hoa Kỳ

dều có quyền có quốc tịch Hoa Kỳ. Như vậy có thể thấy những đứa trẻ sinh ra ở Hoa Kỳ có bố mẹ đều mang quốc tịch Việt Nam có thể vừa có quốc tịch Việt Nam và quốc tịch Hoa Kỳ. Như vậy, việc quy định nguyên tắc một quốc tịch tại Điều 3 Luật quốc tịch năm 1998 nhưng không kèm theo cơ chế đăng kí giữ quốc tịch Việt Nam và cơ chế đương nhiên mất quốc tịch Việt Nam đã dẫn đến thực trạng công dân Việt Nam ở nước thừa nhận đa quốc tịch thường có hai hoặc ba quốc tịch. Thực tế công dân Việt Nam có hai quốc tịch và những tranh chấp liên quan đến việc bảo hộ công dân giữa Việt Nam và các nước trong đó đặc biệt là vấn đề áp dụng pháp luật dân sự khi có tranh chấp hoặc áp dụng pháp luật hình sự khi công dân vi phạm pháp luật hình sự là hiện tượng ngày càng phổ biến. Trong bối cảnh hiện nay, nguyên tắc một quốc tịch triệt để như quy định trong Luật quốc tịch năm 1998 đã không những không đáp ứng được yêu cầu quản lí nhà nước mà còn ảnh hưởng đến tiến trình hội nhập và thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong việc thu hút người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài đã chỉ rõ: *"Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa được quán triệt sâu sắc và thực hiện đầy đủ, công tác bảo hộ quyền lợi*

chính đáng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài chưa được quan tâm đúng mức; các chính sách, văn bản pháp luật chưa đồng bộ, chưa thể hiện đầy đủ chính sách đại đoàn kết dân tộc, chưa khuyến khích mạnh mẽ người Việt Nam định cư ở nước ngoài hướng về quê hương, đóng góp cho công cuộc phát triển đất nước". Nghị quyết này một lần nữa khẳng định quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, coi người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nước ta và các nước trên thế giới.

Theo quan điểm mới, chúng ta cần có chính sách về quốc tịch mềm dẻo hơn đối với bộ phận người Việt Nam định cư ở nước ngoài phù hợp với điều kiện hoàn cảnh xa đất nước của họ, tạo điều kiện tốt nhất để họ có thể đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Luật quốc tịch mới vừa công nhận tư cách công dân của những người Việt Nam đang sống trên lãnh thổ Việt Nam vừa mở rộng thêm những ngoại lệ cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn giữ được quốc tịch Việt Nam khi nhập quốc tịch nước sở tại đồng thời cho phép một số đối tượng hạn chế là người nước ngoài vẫn giữ được quốc tịch gốc khi nhập quốc tịch Việt Nam. Hơn nữa, để đảm bảo yêu cầu quản lí nhà nước về quốc tịch và gắn kết hơn nữa mối quan hệ giữa Việt kiều với Tổ quốc cần xây dựng chế định để cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện

việc đăng kí giữ quốc tịch Việt Nam.

1.2. Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 chưa có quy định giải quyết quốc tịch cho cư dân không quốc tịch do không có đầy đủ các giấy tờ về nhân thân nhưng đã cư trú ổn định tại Việt Nam.

Do hoàn cảnh chiến tranh và điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều người dân của các nước láng giềng như Campuchia, Lào đã di cư tự do, lánh nạn sang khu vực biên giới thuộc lãnh thổ Việt Nam và cư trú nhiều năm. Do thiếu các giấy tờ cần thiết về nhân thân nên họ không thể chứng minh được họ là công dân nước ngoài và nhiều năm sống trong tình trạng không quốc tịch. Để đảm bảo quyền có quốc tịch của mọi người dân sống trên lãnh thổ Việt Nam, Nhà nước ta cần có quy định giải quyết vấn đề quốc tịch cho những người đã sinh sống ổn định trên lãnh thổ nước ta.

1.3. Thủ tục giải quyết các vấn đề về quốc tịch quy định trong Luật quốc tịch năm 1998 chưa cụ thể còn trong các văn bản lại hướng dẫn thi hành luật rườm rà và còn dài về thời gian, chưa đáp ứng được nhu cầu cải cách hành chính trong giai đoạn hiện nay

Một số quy định của Luật quốc tịch năm 1998, Nghị định của Chính phủ số 104/1998/NĐ-CP ngày 31/12/1998 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998. Nghị định của Chính phủ số 55/2000/ND-CP ngày 11/10/2000 sửa đổi một số điều của Nghị

định 104/1998/NĐ-CP và một số quy định của các bộ hữu quan còn phức tạp, gây khó khăn cho người muốn nhập quốc tịch Việt Nam hoặc trở lại quốc tịch Việt Nam. Ví dụ, Mục III. 4 Thông tư số 2461/2001/TT-BNG quy định: "*Giấy xác nhận người gốc Việt nam có giá trị thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp và có thể được gia hạn nhiều lần, mỗi lần không quá 3 năm*". Quy định này là bất hợp lí vì người gốc Việt Nam thì mãi mãi có gốc Việt Nam, không phụ thuộc vào ý chí của người đó nhưng giấy xác nhận lại chỉ có giá trị 3 năm và buộc người đó phải gia hạn. Theo Điều 38 Luật quốc tịch năm 1998 thì thời hạn giải quyết đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam không quá 12 tháng. Thời hạn này là khá dài và không phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính hiện nay.

1.4. Vấn đề công dân Việt Nam có hai hoặc nhiều quốc tịch và sự xung đột pháp luật trong lĩnh vực quốc tịch là vấn đề khá phổ biến, tuy nhiên Luật quốc tịch năm 1998 chưa có quy định thể hiện rõ chính sách giải quyết xung đột pháp luật trong lĩnh vực luật quốc tịch của Nhà nước ta.

Những lí do trên đây cho thấy việc ban hành luật mới thay thế Luật quốc tịch năm 1998 là đòi hỏi cấp bách của xã hội.

2. Nội dung cơ bản và những điểm mới của Luật quốc tịch năm 2008 so với Luật quốc tịch năm 1998

Luật quốc tịch năm 2008 có 6 chương bao gồm 44 điều. So với cấu trúc của Luật

quốc tịch năm 1998, Luật năm 2008 cũng có 6 chương tuy nhiên tăng hơn 2 điều và chương V có tên gọi khác với Luật năm 1998 (Thẩm quyền và thủ tục giải quyết các vấn đề về quốc tịch). Tên gọi của Chương V Luật năm 2008 thay đổi với mục đích nhấn mạnh đến trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề về quốc tịch. Phân tích toàn bộ các chương và điều của Luật quốc tịch năm 2008 chúng ta thấy Luật này có những nội dung cơ bản sau đây:

a. Nguyên tắc một quốc tịch mềm dẻo

Có thể khẳng định rằng nguyên tắc cơ bản thể hiện trong Chương I của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 là nguyên tắc một quốc tịch mềm dẻo.

Nếu Điều 3 Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 có tên gọi là “nguyên tắc một quốc tịch” thì “nguyên tắc quốc tịch” là tên gọi của Điều 4 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008. Nguyên tắc quốc tịch được xác định trong Luật năm 2008 là: “*Nhà nước CHXHCN Việt Nam công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp Luật này có quy định khác*”. Như vậy có thể thấy khác với Luật quốc tịch năm 1998 được xây dựng trên nguyên tắc một quốc tịch triệt để, Luật quốc tịch năm 2008 được xây dựng trên nguyên tắc một quốc tịch mềm dẻo.

Nguyên tắc một quốc tịch mềm dẻo thể hiện ở chỗ một mặt Luật quốc tịch năm 2008 xác định ở nước CHXHCN Việt Nam

mỗi cá nhân đều có quyền có quốc tịch Việt Nam, mỗi thành viên của các dân tộc Việt Nam đều bình đẳng về quyền có quốc tịch Việt Nam, Nhà nước thừa nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên, Nhà nước cũng thừa nhận tình trạng một số người có hai hoặc nhiều quốc tịch.

Do công nhận thực trạng một số công dân có hai hoặc nhiều quốc tịch nên Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã bổ sung thêm một điều quy định về việc giải quyết vấn đề phát sinh từ tình trạng công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài. Theo quy định tại Điều 12, vấn đề phát sinh từ tình trạng công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài được giải quyết theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trường hợp chưa có điều ước quốc tế thì giải quyết theo tập quán và thông lệ quốc tế. Điều 12 cũng xác định nhiệm vụ của Chính phủ kí kết hoặc đề xuất việc kí kết, quyết định gia nhập điều ước quốc tế để giải quyết vấn đề phát sinh từ tình trạng công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài. Để giải quyết các xung đột pháp luật trong lĩnh vực quốc tịch, nhiều quốc gia đã kí kết một số điều ước quốc tế đa phương về vấn đề quốc tịch như Công ước La Haye năm 1930 về một số vấn đề liên quan tới xung đột quốc tịch, Công ước năm 1963 về việc giảm các trường hợp nhiều quốc tịch và về nghĩa vụ quân sự trong trường hợp nhiều quốc tịch, Công ước châu Âu năm 1997 về quốc tịch. Trong

trường hợp nhiều quốc tịch, Công ước La Haye năm 1930 đã xác định nguyên tắc quốc tịch hữu hiệu. Điều 5 của Công ước La Haye quy định: *"Tại một nước thứ ba, một người có nhiều quốc tịch sẽ được coi như chỉ có một quốc tịch. Nước thứ ba sẽ chỉ công nhận duy nhất một trong số những quốc tịch mà người đó có hoặc công nhận quốc tịch của nước mà người đó thường trú và cư trú chủ yếu hoặc quốc tịch của nước mà lúc đó trên thực tế người đó có mối quan hệ gắn bó nhất"*. Nguyên tắc quốc tịch hữu hiệu được ghi nhận trong công ước La Haye năm 1930 có ý nghĩa quan trọng trong việc lựa chọn luật áp dụng. Mặt khác Công ước La Haye cũng xác lập nguyên tắc bảo hộ ngoại giao đối với người có hai hoặc nhiều quốc tịch. Theo Điều 4 của Công ước này quốc gia không được bảo hộ ngoại giao cho công dân nước mình tại quốc gia khác mà người này cũng có quốc tịch và hiện đang cư trú. Ví dụ, công dân Pháp đồng thời có quốc tịch Hoa Kỳ sẽ không có được sự bảo hộ ngoại giao của Cộng hoà Pháp nếu công dân này cư trú ở Hoa Kỳ. Theo nguyên tắc này công dân Pháp đã nhập quốc tịch Hoa Kỳ và sinh sống ổn định tại Hoa Kỳ sẽ phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ của công dân Hoa Kỳ trong đó có cả nghĩa vụ quân sự.

b. Chính sách quốc tịch cho những người đã sống ổn định trên lãnh thổ Việt Nam

Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 chưa có quy định giải quyết quốc tịch cho cư dân không quốc tịch không có đầy đủ

các giấy tờ về nhân thân nhưng đã cư trú ổn định tại Việt Nam thì Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã giải quyết vấn đề này bằng quy định tại Điều 22: *"Người không quốc tịch mà không có đầy đủ giấy tờ về nhân thân nhưng đã cư trú ổn định trên lãnh thổ Việt Nam từ 20 năm trở lên tính đến ngày Luật này có hiệu lực và tuân thủ hiến pháp, pháp luật Việt Nam thì được nhập quốc tịch Việt Nam theo trình tự, thủ tục và hồ sơ do Chính phủ quy định"*.

c. Luật hoá một số quy định về thủ tục, trình tự giải quyết các việc về quốc tịch

Điều 8 (quy định về hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam) Nghị định của Chính phủ số 104/1998/NĐ/CP ngày 31/12/1998 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật quốc tịch Việt Nam năm 1998 đã được luật hoá và thể hiện trong Điều 20 Luật quốc tịch năm 2008. Điều 20 (Hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam) của Nghị định nói trên cũng được luật hoá và thể hiện trong Điều 28 của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008.

d. Cải cách thủ tục hành chính trong Luật quốc tịch năm 2008

Theo quy định tại Điều 21 Luật quốc tịch năm 2008 về trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam, người xin nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ cho sở tư pháp nơi cư trú. Trong thời hạn 5 ngày (trước đây là 7 ngày) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, sở tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xác minh nhân thân của người

xin nhập quốc tịch Việt Nam: trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của sở tư pháp, cơ quan công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh nhân thân của người xin nhập quốc tịch và gửi kết quả đến sở tư pháp (thời gian này theo Nghị định số 104/1998/NĐ-CP ngày 31/12/1998 là 60 ngày). Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, sở tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình chu tịch UBND cấp tỉnh. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của sở tư pháp, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ tư pháp. Như vậy, tổng số thời gian giải quyết các thủ tục nhập quốc tịch tại cấp tỉnh theo quy định của Luật quốc tịch năm 2008 là 55 ngày, trong khi đó theo khoản 1 Điều 10 Nghị định số 104/1998/NĐ-CP ngày 31/12/1998 thời gian này là 4 tháng.

e. Giữ quốc tịch Việt Nam

Điểm mới tiếp theo là quy định về giữ quốc tịch Việt Nam. Khoản 2 Điều 13 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 quy định: *"Người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà chưa mất quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam trước ngày Luật này có hiệu lực thì vẫn còn quốc tịch Việt Nam và trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực phải đăng ký với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để giữ quốc tịch Việt Nam. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam"*.

f. Tiếp tục ghi nhận những yếu tố tích cực của các luật quốc tịch trước đó

Bên cạnh những yếu tố mới, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 tiếp tục thừa hưởng những yếu tố tích cực của các luật quốc tịch đã tồn tại trước đó. Ví dụ, cũng như Luật quốc tịch năm 1998, Luật quốc tịch năm 2008 quy định ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam mỗi cá nhân đều có quyền có quốc tịch. Công dân Việt Nam không ai bị tước quốc tịch Việt Nam trừ trường hợp luật quy định, đó là những trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài (hoặc người nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam) có hành vi gây phương hại đến nền độc lập dân tộc, đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc đến uy tín của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam. Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam: mọi thành viên của các dân tộc đều bình đẳng về quyền có quốc tịch Việt Nam.

Cũng như các luật quốc tịch Việt Nam năm 1988, 1998, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã kết hợp nhuần nhuyễn hai nguyên tắc huyết thống (Jus Sanguinis) và lãnh thổ (Jus Soli) trong việc xác định quốc tịch trẻ em.¹

(1).Viện nghiên cứu quyền con người. *Các văn kiện quốc tế và luật của một số nước về quyền tiếp cận thông tin*, Nxb. Công an nhân dân, năm 2007, tr. 12.

(2).Xem: Báo cáo số 21b/BC-BTP Tổng kết 9 năm thực hiện Luật quốc tịch năm 1998 của Bộ tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ ngày 18/12/2008.